

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2017
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng Dũng;

Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiên Danh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh. “có mặt”

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Tr, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh. “vắng mặt”

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Hồ Văn Kh, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng A huyện Z, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25-11-2016).

Địa chỉ trụ sở: Khu phố X1, thị trấn Y1, huyện Z, tỉnh Tây Ninh. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-7-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phan Văn Đ trình bày: Ông và bà Lê Thị Tr tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn cho đến nay. Ông và bà Tr chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn, nguyên do ông và bà Tr bất đồng quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình dẫn đến không còn hạnh phúc. Mặc dù, ông và bà Tr vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Tr.

- Về con chung: Ông và bà Tr có một con chung tên Phan Quốc C, sinh ngày 12-4-1999 đã thành niên, tự lao động nuôi sống được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông và bà Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà Tr có nợ Ngân hàng A – Phòng giao dịch huyện Z số tiền 18.000.000 đồng, không còn nợ ai khác. Ông và bà Tr thỏa thuận bà Tr có nghĩa vụ trả số tiền 18.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng A.

Bị đơn bà Lê Thị Tr đã khai: Về quan hệ hôn nhân bà thống nhất như ông Đ trình bày, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ có tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mặc dù, bà và ông Đ còn ở chung nhà nhưng không còn quan tâm gì đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn nên bà chấp nhận ly hôn với ông Phan Văn Đ.

- Về con chung: Bà và ông Đ có một con chung tên Phan Quốc C, sinh ngày 12-4-1999, đã thành niên, tự lao động nuôi sống được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông Đ nợ Ngân hàng A số tiền 18.000.000 đồng; nợ bà Lê Kim T 160.000.000 đồng; nợ ông Đặng Văn N 81.700.000 đồng, ngoài ra không còn nợ ai khác. Bà và ông Đ thỏa thuận bà có nghĩa vụ trả số tiền 18.000.000 đồng và bà đã trả được 16.000.000 đồng vào ngày 23-8-2017, còn lại 2.000.000 đồng và Ngân hàng A thỏa thuận khi đến hạn bà trả hết, không yêu cầu ông Đ cùng trả. Riêng số tiền nợ bà T và ông N không khởi kiện nên bà cũng không yêu cầu giải quyết.

Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Hồ Văn Kh đã khai:

Ngày 22-11-2013, ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Tr có vay của Ngân hàng A số tiền 30.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 660000700132406 với lãi suất trong hạn 0,8%/tháng, lãi suất quá hạn 1,04%/tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07-11-2018, mục đích để chăn nuôi. Sau khi vay bà Tr và ông Đ đã trả 12.000.000 đồng, còn nợ lại 18.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 23-8-2017, bà Tr trả tiếp 16.000.000 đồng, còn nợ lại 2.000.000 đồng tiền gốc nên Ngân hàng A rút yêu cầu khởi kiện, chấp nhận để cho bà Tr trả 2.000.000 đồng khi đến thời hạn trả nợ, không yêu cầu ông Đ cùng trả.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn Đ đối với bà Lê Thị Tr; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014 đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Đ và bà Tr.

Về án phí: Buộc ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Ông Phan Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh giải quyết việc hôn nhân giữa ông và bà Lê Thị Tr. Đồng thời, Ngân hàng A có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu. Trong quá trình giải quyết, bà Lê Thị Tr và ông Hồ Văn Kh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Tr và ông Kh.

[2]. Về hôn nhân: Ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Tr chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng trong suốt thời gian chung sống cho đến nay ông Đ và bà Tr không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông Đ và bà Tr không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy cần tuyên bố không công nhận ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Tr là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Ông Đ và bà Tr có một con chung tên Phan Quốc C, sinh ngày 12-4-1999, đã thành niên, tự lao động nuôi sống được nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Ông Đ và bà Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Ông Đ và bà Tr thống nhất còn nợ Ngân hàng A số tiền 2.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 660000700132406 ngày 22-11-2013, ông Đ và bà Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Bà Tr cho rằng còn nợ chung bà Lê Kim Tiên 160.000.000 đồng, ông Đặng Văn N 81.700.000 đồng nhưng bà T và ông N không khởi kiện nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6]. Ngày 23-8-2017, Ngân hàng A có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Đ và bà Tr. Xét thấy việc Ngân hàng A rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự

nguyên nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Đ và bà Tr.

[7]. Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015; bà Tr và Ngân hàng A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Tr.

2. Về con chung: Ông Đ và bà Tr có một con chung tên Phan Quốc C, sinh ngày 12-4-1999, đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà Tr tự thỏa thuận không nên không đặt ra giải quyết.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa Ngân hàng A – Phòng giao dịch huyện Z đối với ông Phan Văn Đ và bà Lê Thị Tr. Ngân hàng A được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ việc dân sự.

5. Về án phí: Ông Phan Văn Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0020196 ngày 12-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Tr và Ngân hàng A – Phòng giao dịch huyện Z không phải chịu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Văn Đ có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Tr và Ngân hàng A – Phòng giao dịch huyện Z có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu